

Lễ giỗ xương cốt tập trung trong tộc họ *Patrip talang tapuen* ပာတိပ တလင်္ဂ တပွေ

- Mục đích : Lễ giỗ tập trung nhiều xương cốt trong tộc họ . - Một là trường hợp giỗ tập trung vào các dịp đưa xương cốt vào kut . - Hai là trong tộc họ có nhiều xương cốt chưa vào kut thì khoản thời gian năm mười năm tộc họ thường tổ chức giỗ tập trung để người quá cố trong tộc họ có dịp xum vầy cùng con cháu và người thân trong tộc họ . Trong nghi lễ giỗ tập trung thì xương cốt gia đình nào gia đình nấy lo cho người thân của mình . Đến giờ hành lễ thì tất cả xương cốt được tập trung rạp lễ chung của tộc họ, được sắp xếp theo thứ tự là nam , nữ và theo vai vế nam lớn tuổi nhất đến nam nhỏ tuổi nhất và nữ lớn tuổi nhất đến nữ nhỏ tuổi nhất . Trong hành lễ, thì hành lễ cho nam trước nữ sau theo phong tục. Về mâm thít lễ, mâm cơm lễ và mâm bánh lễ thì mỗi xương cốt bài trí riêng cho từng xương cốt,

- Tổ chức : Do tộc họ tổ chức, gia đình con cháu đóng góp tiền của và công sức để thực hiện.

- Định kỳ : Nghi lễ không có định kỳ.

- Thời gian và vào lúc : Nghi lễ với thời gian 1 buổi sáng trong ngày thứ tư hay thứ bảy và phải là ngày chẵn không kỵ.

- Địa điểm : trong rạp lễ tập trung ngoài cửa ngõ của một gia đình trong tộc họ.

- Chức sắc chủ lễ : Là thầy *pasaih* ပာဆေး ,

- Chức việc đồng hành lễ : Ông bưng rượu *urang tuh alak* ဝင်္ကတုဟ အလက် ,

- Thú vật và gia cầm : Với mỗi xương cốt 1 con dê *pabaiy* ပာပေါ့ယ và 2 con gà *manuk* မာဏုက ,

- Các món ăn : Cơm *lisei* လီဆီ - Thịt dê *рилаow pabaiy* ရီလော့ပာပေါ့ယ - Thịt gà *рилаow manuk* ရီလော့မာဏုက - Chả thít dê *kanap pabaiy* ကာနပ်ပာပေါ့ယ - Nước súp dê *aia tanut pabaiy* အိယတနုတ်ပာပေါ့ယ - Canh môn dê *aia habai njem labua pabaiy* အိယဟပေါ့ယလော့ယ - Cá kho *ikan khaow* ချော့ကလေး

- Nước súp gà *aia rineng manuk* အိယရိလင်္ဂမာဏုက - Bún *pei cuk* ပေါ့ဆုက - Rau ghém *giaim* ဂျိမ် - Mắm chấm *masin* မာဆိမ် - Nhúm muối hạt *sara* ဆာ ,

- Các lễ vật khác : Thì có trầu cau *hala panâng* ဟလာပာနင်္ဂ , rượu *alak* အလက် và nước trà *aia caiy* အိယဆိယ ,

- Các loại bánh trái thì có trầu cau *hala panâng* ဟလာပာနင်္ဂ , rượu *alak* အလက် và nước trà *aia caiy* အိယဆိယ và các loại bánh trái gồm : Bánh tét

cây *pei nung ndaon* 𑜋𑜰𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 - Bánh tét cặp *pei nung binah* 𑜋𑜰𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫
- Bánh ít *pei dalik* 𑜋𑜰𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 - Bánh sakaya 𑜇𑜨𑜃𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 - Bánh trắng *pei cem* 𑜋𑜰𑜫
𑜇𑜨𑜃𑜫 - Bánh ngọt *baoh ahar* 𑜇𑜨𑜃𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 - Bánh xôi nướng *pei kadang* 𑜋𑜰𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 -
Bánh hạt nổ *pei kamang* 𑜋𑜰𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 - Bánh gừng *ginraong riya* 𑜇𑜨𑜃𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 -
Trái dừa *baoh li-u* 𑜇𑜨𑜃𑜫 𑜇𑜨𑜃𑜫 - Chuối *patei* 𑜇𑜨𑜃𑜫 .

- Nhạc cụ và ca vũ : Thì không có và chỉ có bùa chú của thầy *pasaih* 𑜇𑜨𑜃𑜫 chủ lễ và lời khấn vái của gia đình. Với các vật dụng thiết yếu (*tư liệu điền dã thực tế 1995*).

Quảng Văn Đại